TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2019/DS-PT
Ngày: 31- 7 - 2019
V/v: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải

Bà Bùi Thị Nguyễn

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị ông Nguyễn Văn Mãi kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2019/QĐ-PT ngày 04/7/2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông V.V.M, sinh năm 1968 và bà Đ.T. G, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: số 664B/25, khóm Bình Đức 6, phườmg Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông V.V.M bà Đ.T.G: ông P.H.N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 20/10 Á khóm Đông Thạnh A, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. (Theo giấy ủy quyền ngày 02/6/2017)

Ông N có mặt ông M, bà G vắng mặt

Bị đơn: Ông N.V.M, sinh năm 1961 vả bà T.T.H, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Số 672/25, khóm Bình Đức 6, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà T.T.H: Ông N.V.M, sinh năm 1961. Cư ngụ: số 672/25, khóm Bình Đức 6, phường Bình Đức, thành phố Long

Xuyên, tỉnh An Giang. (Theo giấy ủy quyền ngày 13/6/2017)

Ông M có mặt, bà H vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau

Nguyên đơn ông V.V.M, bà Đ.T.G do ông P.H.N là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Năm 2015, ông V.V.M, bà Đ.T.G có nhận chuyển nhượng trọn thửa quyên sử dụng đất của bà H.T.N.M2, khi nhận chuyển nhượng không tiên hành đo đạc lại, các bên không thực hiện việc chỉ và cắm mốc ranh. Ông M, bà G được Uỷ ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05783 ngày 03/6/2015. Năm 2016, khi nhận chuyển nhượng đất khoảng thời gian vài tháng sau thì ông M, bà G phát hiện phần đất ông bà nhận chuyên nhượng bị ông N.V.M, bà T.T.H dùng lưới B40 rào lấn chiếm ngang khoảng l,6m, dài khoảng 12,7m, tổng diện tích đất khoảng 20,32m^2, trị giá khoảng 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng)*.

Ngày 27/9/2016, ông M, bà G xin phục hồi mốc ranh. Đến ngày 06/01/2017, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên xuông đo đạc, phục hồi lại mốc ranh, cắm trụ đá để làm mốc nhưng ông N.V.M, bà T.T.H tự ý nhổ bỏ các trụ đá. ông M, bà G nhiêu lần yêu câu ông N.V.M, bà T.T.H tháo dỡ hàng rào trả lại diện tích lấn chiếm nhưng ông M, bà H không thực hiện.

Sau khi tiến hành đo đạc lại diện tích đất thì theo bản vẽ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên ngày 23/02/2018 lập, xác định diện tích đât bị lấn chiếm là 21,1 m^2 , nên yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông N.V.M, bà T.T.H tháo dỡ hàng rào lưới B40 trả lại cho ông V.V.M, bà Đ.T.G diện tích đã lấn chiếm là 21,lm^2 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên ngày 23/02/2018.

Bị đơn ông N.V.M và là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà T.T.H trình bày: Nguồn gốc đất của cha ông là ông N.V.H2, sinh năm 1926, cư ngụ số 672, tổ 25, khóm Bình Đức 6, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, có cho vợ chồng ông bà phần đất cất nhà ở giáp ranh đât ruộng của bà H.T.L, bà L có chuyển nhượng cho rể là ông C.V.P, ông P chuyển nhượng lại cho bà H.T.N. M2 có nhờ ông ký đông tây tứ cận, có 03 trụ đá ranh (khoảng năm 2011) đến nay, lúc đó có ông L.V.Đ mướn lại đất của bà H.T.N.M2 làm ruộng đã có trụ ranh, có trụ đá rồi đến sau bán lại cho mẹ vợ của ông L cũng nhận ranh đó làm bằng, ông L cho ông 03 trụ đá và lưới B40 đế rào lại lúc đó ông L vẫn cho ông L.V.Đ mướn làm ruộng đến năm 2015 không làm nữa, sau đó ông L chuyển nhượng lại cho bà H.T.N.M2. Bà N.M2 chuyển nhượng lại cho ỏng V.V.M và bà Đ.T.G thì ông không biết chỉ khi chính quyền mời ông mới biết bà G, ông M mua phần đất này, ông không có tự ý trồng trụ đá như trong đơn bà G, ông M trình bày, khi bà G đi phục hồi mốc ranh thì ông không biết đến khi phá hàng rào cắm trụ ranh trong đất của ông thì ông không đồng ý nên ông mới nhổ trụ mốc ranh do bà G, ông M phục hồi trong phần đất của ông.

Phần đất ông giáp với đất của ông T, ông T có mua phần đất ở của cha ông cùng một phần đất với đất của ông, ranh đất ông T và đất ông với đất ruộng của bà N.M2 cùng trụ đá chứ ông không tự ý trồng trụ đá được, khi trụ đá trồng có ông C.V.P và ông S (chồng bà M2) chứng kiến và ông đồng ý ký tên khi đã trồng xong 03 trụ đá.

Việc bà G, ông M nói ông ngang nhiên trồng trụ đá sau khi bà đã mua 03 tháng bà G, ông M mới hay là hoàn toàn sai sự thật vì các trụ đá mốc ranh và hàng rào đã có trước khi vợ chồng bà G, ông M nhận chuyển nhượng và sự việc trên có sự chứng kiến của ông L.V.Đ, ông L.V.N2, ông N.V.L.

Đối với diện tích đất 21,1 m^2 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 23/2/2018 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên lập thì ông xác định diện tích đất có hàng rào đã được lập trước khi bà G, ông M mua đất vì diện tích đất này có từ thời điểm trước của các chủ cũ là bà N.M2, ông L đã hiện hữu không như trình bày của ông M, bà G là ông trồng trụ đá và kéo hàng rào sau khi vợ chồng ông M, bà G mua là không đúng nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà G, ông M.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã xử:

- Chấp nhận yêu câu khởi kiện của nguyên đơn ông V.V;M;, bà Đ.T.G do ỏng P.H.N đại diện theo ủy quyền khởi kiện tranh chấp quvền sử dụng đất (ranh đất) với ông N.V.M, bà T.T.H.

Buộc ông N.V.M, bà T.T.H có trách nhiệm phải tháo dờ, di dời: 09 (chín) cây chuối; Hàng rào trụ đá + lưới B40 (cao l,2m, chiều ngang 8,75m = 10,5 m^2) trả lại diện tích đất 21,1 m^2 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH05783 do ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 03/6/2015 cho ông V.V.M, bà Đ.T.G, loại đất chuyên trồng lúa nước thuộc tờ bản đồ 85, thửa đất số 13, diện tích đất tọa lạc tại khóm Bình Đức 6, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, được giới hạn bởi các điểm 8,13,11,21,22,10,23,12 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 23/02/2018.

-Về chi phí đo đạc và xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản:

Ông N.V.M, bà T.T.H có trách nhiệm hoàn trả cho ông V.V.M, bà Đ. T.G chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản vói số tiên 4.996.400 đông *(Bốn triệu chín trăm chỉn mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).*

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí,quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án

Ngày 25/3/2019 ông N.V.M có đơn kháng cáo, nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích 21,1 m^2 nằm trong diện tích đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V.V.M và bà Đ.T.G.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông P.H.N là người đại diện cho ông V.V.M và bà Đ.T.G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông N.V.M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự

không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về thủ tục kháng cáo: ông N.V.M nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, nên được xem xét giải quyết;

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự

- Về đề xuất hướng giải quyết vụ án:

+ Kháng cáo của ông N.V.M là không có cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của N.V.M; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về thủ tục kháng cáo: Bản án sơ thẩm được tuyên án ngày 12/3/2019 đến ngày 25/3/2019 ông N.V.M kháng cáo là trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Sự vắng mặt của nguyên đơn ông V.V.M. và bà Đ.T.G,bị đơn bà T.T.H, nhưng có là ông P.H.N là người đại diện cho ông M bà G; ông N.V.M là người đại diện cho bà H tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ

[3]. Về nội dung kháng cáo: ông N.V.M cho rằng hàng rào bằng trụ đá kéo lưới B40 do ông P trồng năm 2008, sau này ông chỉ rào lại theo vị trí cũ và có trước thời điểm ông V.V.M và bà Đ.T.G nhận chuyển nhượng đất của bà M2 (do ông L là người ký trong hợp đồng chuyển nhượng) và sử dụng đến nay, nên không chấp nhận trả lại diện tích 21,1 m^2 theo yêu cầu của nguyên đơn.

[4] . Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chúng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thì thấy:

[4.1]. Ông V.V.M và bà Đ.T.G nhận chuyển nhượng 2.118,0 m^2 từ ông N.V.L và bà B.T.T.X (Hợp đồng được Văn phòng công chứng Nhựt Quang công chứng ngày 15/5/2015), tại phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, thửa số 13, tờ bản đồ số 85, và ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05783 ngày 03/6/2015 cho ông V.V.M và bà Đ.T.G đứng tên,về nguồn gốc đất có từ bà H.T.Q được cha mẹ cho, năm 1993 được ủy ban nhân dân thị xã Long Xuyên (nay là thành phố Long Xuyên) cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất. Năm 2002 bà Q chuyển nhượng cho bà H.T.L (chuyển nhượng nguyên thửa và toàn bộ diện tích đất trong giấy chứng nhận) và bà L cũng được ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02453QSDĐ ngày 23/5/2002, tiếp đó năm 2008 bà L chuyển nhượng cho ông V.V.S và bà H.T.M, năm 2014 ông Sĩ bà M2 chuyển nhượng cho ông N.V.L và bà B.T.T.X, và kế tiếp ông L bà X chuyển nhượng lại cho ông M, bà G

[4.2] .Việc thực hiện chuyển nhượng, các bên thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trong giấy chứng nhận,và làm thủ tục sang tên chuyển quyền chứ không đo đạc thực tế và không xác định ranh mốc cụ thể; Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông L và bà X thì ông V.V.M và bà Đ.T.G phục hồi ranh mốc mới phát hiện ông N.V.M và bà T.T.H trồng trụ đá làm hàng rào bằng lưới B40 có lấn sang diện tích đất của ông bà. Theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 23/02/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh Long Xuyên thể hiện phần hàng rào của ông N.V.M và bà T.T.H đã lấn sang diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V.V.M và bà Đ.T.G là 21,1 m .

[4.3] .Ông N.V.M thì cho biết diện tích đất ông M, bà G nhận chuyển nhượng từ ông L bà X có nguồn gốc từ bà H.T.L được cha mẹ cho, bà L chuyển nhượng cho ông P, ông P trồng trụ đá làm hàng rào khoảng năm 2008. Sau này khi chuyển nhượng cho bà M2, rồi bà M2 chuyển nhượng cho ông L cũng lấy hàng rào đó làm ranh mốc. Ông L cho ông 3 cây trụ đá và lưới B40 để làm lại hàng rào thì ông cũng chỉ trồng theo vị trí mà ông P đã trồng trước đây, đến khi ông L chuyển nhượng lại cho ông M bà G thì cũng xác định ranh mốc từ các trụ đá và hàng rào B40. Do vậy mặc dù diện tích 21,1 m^2 đất tranh chấp theo Bản trích đo hiện trạng ngày 23/02/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh Long Xuyên không thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông và diện tích đất thực tế của ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không bị thiếu, nhưng do các trụ đá và hàng rào lưới B40 là do ông trồng có trước khi ông M, bà G nhận chuyển nhượng đất, nên thuộc quyền sử dụng của ông và hiện tại trên diện tích đất tranh chấp ông có trồng một số cây chuối

[4.4]. Tuy nhiên thời điểm bà Q, bà L được cấp giấy chúng nhận quyền sử dụng đất, ông M là người có đất giáp ranh, nhưng không có tranh chấp hay khiếu nại gì, năm 2004 ông M đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.0143 aA ngày 08/11/2005, thửa số 10, tờ bản đồ 28, diện tích 264,8 m^2. Như vậy đã thể hiện ranh giới sử dụng đất giữa ông N.V.M bà T.T.H với đất của ông V.V.M bà Đ.T.G nhận chuyển nhượng từ ông N.V.L đã được hình thành từ năm 1993, việc ông N.V.M tự trồng trụ đá và rào lưới B40 là không đúng với ranh giới sử dụng đất ban đầu đã lấn sang phần đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M,

bà G, nên Tòa án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông N.V.M và bà T.T.H phải có trách nhiệm tháo dỡ di dời hàng rào, trụ đá và cây trồng trên đất để trả 21,1 m^2 cho ông V.V.M và bà Đ.T.G là có căn cứ.

[5]. Ông N.V.M không cung cấp được tài liệu chúng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên không có cơ sở xem xét.

[6]. Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

Tuy nhiên phần Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc ông N.V.M và bà T.T.H có trách nhiệm thào dỡ, di dời: 09 (chín) cây chuối; hàng rào trụ đá + lưới B40.. .là chưa có cơ sở vững chắc cho việc thi hành bản án sau này; Bản án không ghi "Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 23/02/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh Long Xuyên là một phần của Bản án này là có thiếu sót. Nhận thấy phần thiếu sót này không làm thay đổi nội dung vụ án, nên chỉ nêu ra để rút kinh nghiệm. Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về cách tuyên.

[7].Từ nhận định nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của ông N.V.M về nội dung Bản án sơ thẩm; sửa Án sơ thẩm về cách tuyên án.

[8]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9]. Vê án phí phúc thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa, nên ông N.V.M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 148; Khoản 2 Điều 228; Khoản 2 Điều 308 Điều 313 của Bộ luật Tô tụng dân sự năm 2015; Khoản 2, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N.V.M; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.V.M, bà Đ.T.G đối với ông N.V.M, bà T.T.H.

+ Buộc ông N.V.M, bà T.T.H có trách nhiệm phải tháo dỡ, di dời hàng rào bằng trụ đá và lưới B40 (cao l,2m, chiều ngang 8 75m — 10,5 m^2); và di dời toàn bộ số cây chuối trồng trên diện tích đất tranh chấp trả lại 21,1 m đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

số CH05783 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 03/6/2015 cho ông V.V.M, bà Đ.T.G, loại đất chuyên trồng lúa nước thuộc tờ bản đô 85, thửa đât sô 13, diện tích đât tọa lạc tại khóm Bình Đức 6, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, được giới hạn bởi các điểm 8,13,11,21,22,10,23,12 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh Long Xuyên lập ngày 23/02/2018.

+ Bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh Long Xuyên lập ngày 23/02/2018 là một phần của Bản án này

- Về chi phí đo đạc và xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản:

Ông N.V.M, bà T.T.H có trách nhiệm hoàn trả cho ông V.V.M, bà Đ.T.G chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản với số tiền 4.996.400 đồng (bốn triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bôn trăm đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông V.V.M, bà Đ.T.G được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà ông M, bà G đã nộp theo biên lai thu số 0015525 ngày 06/6/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

+ Ông N.V.M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng *(*một trăm năm mươi nghìn đồng*)* tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

+ Bà T.T.H thuộc trường hợp là người cao tuổi không phải nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông N.V.M không phải chịu án phí phúc thẩm, nên được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn*)* tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002832 ngày 36/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND Tp Long Xuyên;
- VKSND Tp Long Xuyên;
- Cục THADS tỉnh An Giang
- Chi cục THADS Tp Long Xuyên;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu HS.VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thiện